

⚠️ Các lưu ý khi đăng ký
Chúng tôi sẽ tiến hành kiểm tra hồ sơ và thẩm định qua điện thoại. Nếu không đủ các giấy tờ cần thiết, quá trình thẩm định sẽ không thể tiến hành. Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý khách.

- Các giấy tờ cần thiết khác nhau tùy thuộc vào visa của người đăng ký.
- Người đăng ký, người ở cùng, người liên hệ khẩn cấp và nơi làm việc sẽ nhận được liên hệ trong khoảng thời gian từ 10:00 - 18:00 (giờ Nhật Bản) qua số điện thoại sau: 03-5956-6303. (Vui lòng điền đầy đủ thông tin vào tờ đơn này)
- Tùy thuộc vào nội dung thẩm định, GTN có thể yêu cầu một khoản đặt cọc để đơn của Quý khách được chấp nhận.



Tôi (người đăng ký) đăng ký dịch vụ này sau khi kiểm tra và đồng ý với tài liệu đính kèm về Chính sách Bảo mật thông tin cá nhân, cũng như đã nhận được sự đồng ý của người liên hệ khẩn cấp phía gia đình và trong nước. **※Người đăng ký vui lòng tự điền đơn**

Người đăng ký	Furigana											Số điện thoại				Nguồn ngữ mong muốn	☐ Tiếng Nhật ☐ Tiếng Anh ☐ Tiếng Trung ☐ Tiếng Hàn ☐ Khác ()								
	Họ và tên Chữ ký																								
	Ngày sinh	Năm			Năm		Tháng		Ngày		Giới tính	☐ Nam ☐ Nữ	Quốc tịch	Email											
	Địa chỉ hiện tại	☐ thủ đô ☐ tỉnh ☐ phủ ☐ quận ☐ thành phố ☐ huyện										Số người ở	người												
	Tên trường											Ngày nhập học		Năm		Tháng		Ngày tốt nghiệp dự kiến		Năm		Tháng		Số năm ở Nhật	Năm
	Tên công ty	☐ Nhân viên công ty ☐ Công việc bán thời gian										Số điện thoại đại diện				Số năm làm việc	Năm	Thu nhập hàng năm	yên						
Địa chỉ làm việc	☐ thủ đô ☐ tỉnh ☐ phủ ☐ quận ☐ thành phố ☐ huyện																								
SNS	☐ Facebook ☐ WeChat ☐ LINE ☐ KaKao Talk ☐ Viber ☐ Skype ☐ Whats App ☐ Khác ()										SNS ID:														

Nếu có người ở cùng, vui lòng điền vào tờ thứ hai của mẫu đơn.

Thông tin liên hệ khẩn cấp	Người liên hệ khẩn cấp phía gia đình ※Bố mẹ hoặc anh, chị, em. Nếu người đăng ký có visa du học, vui lòng điền thông tin của bố hoặc mẹ.																		
	Furigana																		
	Họ và tên																		
	Địa chỉ hiện tại																		
Ngày sinh	Năm			Năm		Tháng		Ngày		Email		Nguồn ngữ mong muốn	☐ Tiếng Nhật ☐ Tiếng Anh ☐ Tiếng Trung ☐ Tiếng Hàn ☐ Khác ()						
Người liên hệ khẩn cấp tại Nhật ※Người sống ở Nhật Bản. Không yêu cầu quốc tịch và tiếng Nhật. Không chấp nhận thông tin của công ty. Nếu Quý khách có visa phụ thuộc, vui lòng nhập thông tin của vợ/ chồng.																			
Furigana											Số điện thoại				Giới tính	☐ Nam ☐ Nữ	Mối quan hệ		
Họ và tên																			
Địa chỉ hiện tại	☐ thủ đô ☐ tỉnh ☐ phủ ☐ quận ☐ thành phố ☐ huyện										Quốc tịch								
Ngày sinh	Năm			Năm		Tháng		Ngày		Email		Nguồn ngữ mong muốn	☐ Tiếng Nhật ☐ Tiếng Anh ☐ Tiếng Trung ☐ Tiếng Hàn ☐ Khác ()						

Để ở	Học sinh	☐ Thẻ ngoại kiều ☐ Thẻ sinh viên / Giấy phép nhập học (của trường sắp tới) / Giấy báo trúng tuyển (Một trong các giấy tờ nêu trên)									
	Người đi làm	☐ Thẻ ngoại kiều ☐ Thẻ bảo hiểm y tế (bảo hiểm xã hội) / Sao kê lương 3 tháng / Thông báo trúng tuyển / Hợp đồng lao động (Một trong các giấy tờ nêu trên)									
Để kinh doanh	☐ Thẻ ngoại kiều ☐ Bản sao số đăng ký doanh nghiệp ☐ Bảo cáo tài chính (mới nhất) hoặc bản sao sổ tiết kiệm (trang tên tài khoản + trang số dư gần nhất)										

※Trường hợp người đăng ký chưa nhập cảnh vào Nhật, vui lòng nộp Bản sao hồ chiếu (trang có ảnh mặt) hoặc bản sao giấy chứng nhận tư cách lưu trú thay cho thẻ ngoại kiều.
※Trường hợp có nhiều người ở cùng, vui lòng cung cấp thẻ lưu trú của tất cả các người ở.
※Tùy thuộc vào nội dung thẩm định, GTN có thể yêu cầu thêm các giấy tờ khác.

会社使用欄

物件概要	申込日	20	年		月		日	入居希望日		月		日	物件名				号室	
	住所	〒																
	☐ 都 ☐ 道 ☐ 区 ☐ 市 ☐ 府 ☐ 県 ☐ 郡																	
	☐ 敷金 ☐ 保証金																	
☐ 家賃										☐ 管理費・共益費			☐ その他費用			☐ 駐車場料金		
☐ 敷金 ☐ 保証金										☐ 契約同行料金			☐ 解約予告			☐ 月額賃料TOTAL		

✓	プラン名	初回保証委託料	最低保証料	年間保証料	✓	プラン名	初回保証委託料	最低保証料	月間保証料	決済手数料
☐	事業用	100%	50,000円	30,000円	☐	PLUS30	30%	15,000円	1,670円	330円
☐	駐車場	100%	5,000円	月額使用料の50%	☐	PLUS50	50%	20,000円	1,000円	330円
☐	シェアハウス	20%	10,000円	10,000円	☐	PLUS70	70%	28,000円	1,000円	330円
☐	TN50	50%	20,000円	10,000円	☐	PLUS100	100%	40,000円	1,000円	330円
☐	TN70	70%	28,000円	10,000円	☐	ALLプラン特約	火災保険付/駆け付けサービス		+1,000円	—
☐	TN100	100%	40,000円	10,000円						

↑ご利用の保証に ☒ をお入れください

※年間保証料は別途、収納手数料500円(税込)がかかります。

管理会社	管理会社名				☐ 審査時不備内容確認先
	住所				☐ 審査結果 FAX 先
	TEL				☐ 初回保証委託料請求先
	FAX				ご担当者

仲介会社	仲介会社名 (☐ 元付 ☐ 客付)				☐ 審査時不備内容確認先
	住所				
	TEL				ご担当者
	FAX				

Đơn đăng ký ủy thác bảo lãnh (ví dụ điền)



注意事項

- 手書きで記入される場合は、「黒」または「青」のボールペンでハッキリと記入してください。
- 書き損じで訂正される場合は、二重線を引き、訂正部分の上または下に記入ください。
- 余白がない場合は、新しい申込書に記入ください。
- 記入または入力された内容にて審査をいたします。誤りがないようお願いいたします。
- 特に、携帯電話・Email・SNS等の連絡先は弊社連絡先として利用いたします。

Nếu Quý khách chưa nhập cảnh vào Nhật Bản, xin hãy điền địa chỉ hiện tại ở Việt Nam của Quý khách.

Nếu Quý khách có người sống chung (bao gồm trẻ nhỏ), xin hãy chắc chắn điền vào "Tài liệu rời: Đơn đăng ký thêm người cư trú (người sống chung)".

Nếu có người ở cùng, vui lòng điền vào tờ thứ hai của mẫu đơn.

Xin hãy điền vào phần này nếu như Quý khách có bạn bè hoặc người quen (hoặc vợ/ chồng nếu Quý khách mang visa kết hôn) đang sinh sống tại Nhật Bản.

※Có thể viết cả địa chỉ ở ngoài Nhật Bản.

Quý khách nào không có người quen nào sống ở Nhật Bản trước hoặc ngay sau khi đến Nhật Bản, thì xin hãy để trống, nếu không thuộc trường hợp này thì yêu cầu Quý khách điền đầy đủ thông tin.

※審査時、空欄でご提出した場合は契約後1か月以内に変更通知書にて別途申請が必要です。

Phần dành cho người đăng ký ghi

Phần dành cho Công ty quản lý ghi

Phần dành cho Công ty môi giới ghi

Furigana		Global Jo	
Họ và tên	Chữ ký		
Ngày sinh	Năm	Tháng	Ngày
Địa chỉ hiện tại	☐ thủ đô ☐ tỉnh ☐ quận ☐ thành phố ☐ phủ ☐ huyện	Số người ở	
Tên trường			
Tên công ty	☐ Nhân viên công ty ☐ Công việc bán thời gian		
Địa chỉ làm việc	東京 ☐ thủ đô ☐ phủ ☐ huyện ☐ thành phố ☐ quận ☐ thành phố ☐ phủ ☐ huyện	Số năm ở Nhật	
SNS	☐ Facebook ☐ WeChat ☐ LINE ☐ KaKao Talk ☐ Viber ☐ Skype ☐ Whats App ☐ Khác ()		
SNS ID	John_global		

Người liên hệ khẩn cấp phía gia đình		※Bố mẹ hoặc anh, chị, em. Nếu người đăng ký có visa du học, vui lòng điền thông tin của bố hoặc mẹ.	
Furigana	Họ và tên	Mối quan hệ	
Địa chỉ hiện tại			
Ngày sinh	Năm	Tháng	Ngày
Người liên hệ khẩn cấp tại Nhật		※Người sống ở Nhật Bản. Không yêu cầu quốc tịch và tiếng Nhật. Không chấp nhận thông tin của công ty. Nếu Quý khách có visa phụ thuộc, vui lòng nhập thông tin của vợ/ chồng.	
Furigana	Họ và tên	Mối quan hệ	
Địa chỉ hiện tại			
Ngày sinh	Năm	Tháng	Ngày

Để ở	Học sinh	☐ Thẻ ngoại kiều ☐ Thẻ sinh viên / Giấy phép nhập học (của trường sắp tới) / Giấy báo trúng tuyển (Một trong các giấy tờ nêu trên)	Trường hợp người đăng ký chưa nhập cảnh vào Nhật, vui lòng nộp bản sao hồ chiếu (trang có ảnh mặt) hoặc bản sao giấy chứng nhận tư cách lưu trú thay cho thẻ ngoại kiều.
Để kinh doanh	Người đi làm	☐ Thẻ ngoại kiều ☐ Thẻ bảo hiểm y tế (bảo hiểm xã hội) / Sao kê lương 3 tháng / Thông báo trúng tuyển / Hợp đồng lao động (Một trong các giấy tờ nêu trên)	Trường hợp có nhiều người ở cùng, vui lòng cung cấp thẻ lưu trú của tất cả người ở.
		☐ Thẻ ngoại kiều ☐ Bản sao sổ đăng ký doanh nghiệp ☐ Báo cáo tài chính (mới nhất) hoặc bản sao sổ tiết kiệm (trang tên tài khoản + trang số dư gần nhất)	※Tùy thuộc vào nội dung thẩm định, GTN có thể yêu cầu thêm các giấy tờ khác.

申込日	20	20	年	1	2	月	1	0	日	入居希望日	1	2	月	2	日	物件名	
住所	〒	-								東京	都府県	中央					
①家賃	95,000		円	②管理費・共益費	5,000		円	③その他費用	15,000		円	④登録料	金				
⑤敷金			円	⑥管理費・共益費			円	⑦その他費用			円	⑧登録料			円		
⑨保証金			円	契約同行料金			円	解約予告			ヶ月	⑩+⑪+⑫+⑬	月額賃料TOTAL		1	1	5

集金代行プランの月間保証料は、記入しないでください。

プラン名	初回保証委託料	最低保証料	年間保証料	プラン名	初回保証委託料	最低保証料	月間保証料	決済手数料
☐ 事業用	100%	50,000円	30,000円	☐ PLUS30	30%	15,000円	1,670円	330円
☐ 駐車場	100%						1,000円	330円
☐ シェアハウス	20%						1,000円	330円
☐ TN50	50%						1,000円	330円
☐ TN70	70%	28,000円	10,000円				1,000円	330円
☐ TN100	100%	40,000円	10,000円	☐ ALLプラン特約	火災保険付/駆け付けサービス	+1,000円		-

申込みたい保証プランに✓してください。
※契約後の商品プラン変更はできませんので、ご注意ください。

↑ご利用の保証に ☒ をお入れください
※年間保証料は別途、収納手数料500円(税込)がかかります。

管理会社名	必ず記入をしてください。 ※未記入の場合は審査結果をお送りできませんので ご注意ください。	仲介会社名 (☐ 元付 ☒ 客付)	必ず記入をしてください。
住所	東京	住所	東京
TEL	03-5555-8888	TEL	03-5555-8888
FAX	03-5555-8888	FAX	03-7777-8888
		ご担当者	ジョン